

Bản án số: 334/2021/HSST
Ngày: 24-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vương Thị Minh Tân

Bà Nguyễn Phương Ly

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định - tỉnh Nam Định, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 333/2021/TLST-HS ngày 30-11-2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 333/2021/QĐXXST-HS ngày 13-12-2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Thị N - sinh năm: 1980; nơi sinh: tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 52 G, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn K và bà Bùi Thị T; chồng: Hoàng Mạnh C; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-10-2021 đến ngày 27-10-2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Phạm Thị A - sinh năm: 1960; nơi sinh: tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà E5P9 tập thể V, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị L; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 05-10-2021 đến ngày 08-10-2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: Nguyễn Thị Minh S - sinh năm: 1962; nơi sinh: tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn A, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị T; chồng: Trần Quốc T; có 02 con;

tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 05-10-2021 đến ngày 08-10-2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị N có quan hệ quen biết xã hội với Phạm Thị A và Nguyễn Thị Minh S. Biết N đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề nên A và S đặt vấn đề chuyển bảng số lô, số đề cho N để hưởng lợi bất chính với tỷ lệ cá cược như sau:

- Với số lô: N thu với giá 21.700 đồng/1 điểm lô còn A và S bán cho khách với giá 22.000 đồng/1 điểm lô.

- Số tiền mua lô, đề A và S phải trả cho N. Ngoài ra, N thỏa thuận sẽ trích lại 13% tổng số tiền mua đề cho A và S, 30% tổng số tiền mua lô xiên cho A.

Bảng số lô, số đề A và S chuyển cho N nếu có số trúng, N sẽ trả tiền cho A và S theo tỷ lệ như sau:

- Đối với số đề (là số tự nhiên có hai chữ số từ 00 đến 99): nếu số mua trùng với 02 chữ số cuối (hàng chục và hàng đơn vị) giải thưởng đặc biệt của kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc quay thưởng cùng ngày thì N trả gấp 80 lần số tiền mua đề. Ngược lại nếu không trúng N sẽ được hưởng toàn bộ số tiền mua đề.

- Đối với số lô (là số tự nhiên có hai chữ số từ 00 đến 99): nếu số mua trùng với 02 chữ số cuối của 1 trong 27 giải trúng thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc quay thưởng cùng ngày thì N trả số tiền là 80.000 đồng/1 điểm lô. Ngược lại nếu không trúng N sẽ được hưởng toàn bộ số tiền mua lô.

- Đối với số lô xiên 2, xiên 3, xiên 4 (là dãy số có 02, 03, 04 số tự nhiên có hai chữ số từ 00 đến 99): nếu dãy số mua trùng với 02 chữ số cuối của các giải trong 27 giải trúng thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc quay thưởng cùng ngày thì N trả số tiền lần lượt gấp 11, 40, 140 lần số tiền mua số lô xiên 2, xiên 3, xiên 4. Ngược lại nếu không trúng, N sẽ được hưởng toàn bộ số tiền mua lô xiên.

Các đối tượng thống nhất với nhau sử dụng ứng dụng Zalo trên điện thoại di động để chuyển bảng số lô, số đề cho nhau. N sử dụng tài khoản Zalo có tên “Ken” đăng ký bằng số điện thoại 0849.850.438, A sử dụng tài khoản Zalo có tên “Huy Hoang” đăng ký bằng số điện thoại 0788.009.616, S sử dụng tài khoản Zalo có tên “Minh Nhật” đăng ký bằng số điện thoại 0815.241.646. Sau khi có kết quả xổ số, các đối tượng tính toán tiền được thua rồi thanh toán cho nhau vào hôm sau.

Ngày 04-10-2021, A bán cho khách qua đường (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) 981 điểm lô; 3.960.000 đồng tiền đề và 810.000 đồng tiền lô xiên thu được số tiền 26.352.000 đồng rồi viết các số lô, số đề ra giấy, chụp ảnh gửi vào Zalo “Ken” của N. Sau khi nhận được bảng lô đề thì N nhắn tin lại “Ok1, Ok2, ...” theo thứ tự tin nhắn A chuyển để xác nhận. Tổng cộng số tiền mua lô, đề A phải trả cho N là 981 điểm x 21.700 đồng + 3.960.000 đồng + 810.000 đồng = 26.057.700 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc quay thưởng cùng ngày, bảng lô đề A chuyển trúng 251 điểm lô, tương ứng số tiền là 251 điểm x 80.000 đồng = 20.080.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc giữa N và A trong ngày 04-10-2021 là 26.057.700 đồng + 20.080.000 đồng = 46.137.700 đồng.

Cùng ngày 04-10-2021, S bán cho khách qua đường (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) 50 điểm lô và 6.880.000 đồng tiền đề thu được số tiền 7.980.000 đồng. Sau đó, S viết các số lô, số đề trên ra giấy rồi chụp ảnh gửi vào Zalo “Ken” cho N. N nhận được bảng lô đề thì nhắn tin lại “Ok” để xác nhận. Tổng cộng số tiền mua lô, đề S phải trả cho N là 50 điểm x 21.700 đồng + 6.880.000 đồng = 7.965.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc quay thưởng cùng ngày, bảng lô đề S chuyển trúng 110.000 đồng tiền đề, 40 điểm lô tương ứng số tiền là 110.000 đồng x 80 + 40 điểm x 80.000 đồng = 12.000.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc giữa N và S trong ngày 04-10-2021 là: 7.965.000 đồng + 12.000.000 đồng = 19.965.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền N đánh bạc cùng A và S trong ngày 04-10-2021 là: 46.137.700 đồng + 19.965.000 đồng = 66.102.700 đồng.

Tổng số tiền A thu được từ việc bán lô, đề cho khách lẻ là 26.352.000 đồng, số tiền S thu được từ việc bán số lô, đề cho khách lẻ là 7.980.000 đồng, số tiền này A và S đã tiêu xài cá nhân hết.

A được hưởng lợi số tiền là 300 đồng /1 điểm lô, 13% tổng số tiền đề và 30% tiền lô xiên tương ứng là 300 đồng x 981 điểm + 13% x 3.960.000 đồng + 30% x 810.000 đồng = 1.052.100 đồng. S được hưởng lợi số tiền là 300 đồng x 50 điểm + 13% x 6.880.000 đồng = 909.400 đồng. Số tiền đánh bạc thắng thua cả ba chưa thanh toán tiền cho nhau.

Ngày 05-10-2021, Bùi Thị N bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định triệu tập lên làm việc liên quan đến đơn tố cáo hành vi đánh bạc. Tại Cơ quan điều tra, N đã xin đầu thú, khai nhận nội dung vụ việc như trên. Cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Thị Minh S, Phạm Thị A để làm việc. Tại cơ quan điều tra, A, S đều khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận giám định số 1446 ngày 16-11-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định kết luận không phục hồi được dữ liệu các phần tin nhắn SMS, Messenger, Zalo, có liên quan đến hành vi đánh bạc có trong những đồ vật nêu trên.

Quá trình làm việc N đã giao tự nguyện giao nộp 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Ipad 6, màu hồng, A tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, S tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S bên trong lắp sim số 0859338005 và 0815241646. Chiếc sim điện thoại di động số 0859338005 không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định trả lại S.

Đối với người đã mua số lô, số đề của Phạm Thị A và Nguyễn Thị Minh S. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định không xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên không xử lý.

Bản cáo trạng số 340/QĐ-KSĐT ngày 30-11-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố Bùi Thị N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại

điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; truy tố Phạm Thị A và Nguyễn Thị Minh S về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thị N 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị A từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Minh S từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng đã thu giữ, truy thu số tiền thu được từ việc bán lô, đề cho khách lẻ của các bị cáo Phạm Thị A và Nguyễn Thị Minh S sung vào Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Các bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức án thấp nhất tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Ngày 04-10-2021 Bùi Thị N đã đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề cùng Phạm Thị A và Nguyễn Thị Minh S với tổng số tiền dùng để đánh bạc lần lượt là 46.137.700 đồng và 19.965.000 đồng. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do các bị cáo muốn kiếm tiền bất chính thông qua hình thức đánh bạc, được thua bằng tiền nên các bị

cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi tội phạm. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây nguy hiểm cho xã hội. Tổng số tiền bị cáo Bùi Thị N đánh bạc với bị cáo Phạm Thị A và Nguyễn Thị Minh S là 46.137.700 đồng + 19.965.000 đồng = 66.102.700 đồng. Vì vậy, bị cáo Bùi Thị N đã phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Thị A và Nguyễn Minh S đã phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định là có căn cứ.

[3] Trong vụ án này các bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên là đồng phạm. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: bị cáo Bùi Thị N là người thu mua các bảng lô, đề nên xếp vai trò của bị cáo Bùi Thị N ở vai trò đầu. Bị cáo Phạm Thị A và bị cáo Nguyễn Thị Minh S là người trực tiếp bán số lô đề cho khách sau đó bán lại cho N nên xếp vai trò của các bị cáo sau bị cáo Bùi Thị N.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

4.1. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Phạm Thị A và Nguyễn Thị Minh S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Bùi Thị N có đơn xin đầu thú; vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Bùi Thị N; áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Thị A và bị cáo Nguyễn Thị Minh S.

[5] Về hình phạt:

5.1. Hình phạt chính: Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự xã hội, gây mất trật tự trên địa bàn thành phố. Đánh bạc là tệ nạn xã hội, là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần phải đưa ra xét xử và có mức hình phạt nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo cải tạo thành công dân tốt, sống có ích cho bản thân, cho gia đình và xã hội. Xét nhân thân, tính chất, nguyên nhân, nội dung của vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt; được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục; xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo tự lao động cải tạo dưới sự giám sát của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với chính sách nhân đạo của Nhà nước ta.

5.2. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- 01 chiếc máy tính bảng Ipad6, 01 điện thoại di động Iphone 6, 01 điện thoại OPPO F1S bên trong lắp sim 0815241646 đều là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 26.352.000 đồng và số tiền 7.980.000 đồng các bị cáo An và bị cáo S thu được từ việc bán số lô, để cho khách lẻ là tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 1.052.100 đồng và số tiền 909.400 đồng các bị cáo An và bị cáo S được hưởng lợi từ việc bán số lô để cho các khách lẻ, bị cáo N chưa thanh toán tiền cho các bị cáo vì vậy không có căn cứ thu hồi số tiền này.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Thị N, Phạm Thị A, Nguyễn Thị Minh S phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Thị N 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm (Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-10-2021 đến ngày 27-10-2021). Thời gian thử thách của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị A 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng (Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05-10-2021 đến ngày 08-10-2021). Thời gian thử thách của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Minh S 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng (Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05-10-2021 đến ngày 08-10-2021). Thời gian thử thách của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Bùi Thị N, bị cáo Phạm Thị A, bị cáo Nguyễn Thị Minh S cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án

hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Bùi Thị N, bị cáo Phạm Thị A, bị cáo Nguyễn Thị Minh S phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 máy tính bảng được niêm phong trong túi có mã số PS2 1902999; 01 điện thoại di động được niêm phong trong túi có mã số PS3 1902334; 01 điện thoại di động được niêm phong trong túi có mã số NS3A 113780. (Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07-12-2021).

- Truy thu bị cáo Phạm Thị A số tiền 26.352.000 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu bị cáo Nguyễn Thị Minh S số tiền 7.980.000 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Bùi Thị N, Phạm Thị A, Nguyễn Thị Minh S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo Bùi Thị N, Phạm Thị A, Nguyễn Thị Minh S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự: Các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định;
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Anh Dũng